TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST Ngày 11 tháng 04 năm 2023 V/v xin ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tếnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Vũ Hữu Hưởng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tiểu khu a, xã N B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quốc P, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tiểu khu a, xã N, B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị D trình bày như sau:

Chị và anh Lê Quốc P kết hôn với nhau từ năm 2003, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lót (nay là UBND xã Nà Bó), huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 05/05/2003, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh P sử dụng ma túy, chị đã

nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đến đầu năm 2021 chị đã về Hà Nội làm. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, không thể quay về tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Phương Lan, sinh ngày 22/05/2004 và cháu Lê Minh Toàn, sinh ngày 06/07/2011. Cháu Lê Phương Lan đã đủ tuổi thành niên, đối với cháu chưa thành niên là cháu Lê Minh Toàn từ khi anh chị sống ly thân cháu Toàn ở với bố. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn cũng mong muốn được nuôi dưỡng cháu Toàn nhưng sẽ tôn trọng theo ý kiến của cháu, nếu được nuôi dưỡng cháu Toàn chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung vợ chồng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/03/2023 anh Lê Quốc P trình bày như sau:

Anh và chị Đặng Thị D kết hôn với nhau vào năm 2003 do cả hai cùng tự nguyện tìm hiểu và không bị ai ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/05/2003.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị D đi về Hà Nội làm anh không đồng ý cho đi nhưng chị D không nghe cố tình bỏ về Hà Nội làm, từ khi về Hà Nội làm chị D cũng không hề quan tâm gọi điện gì về cho anh và con, không gửi tiền về nuôi con cùng anh. Anh cũng nhiều lần gọi điện bảo chị D về nhưng chị D không về, tết cũng không về, tình cảm vợ chồng cùng nhạt phai. Nay chị D có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn, đề nghị tòa án giải quyết cho anh.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lê Phương Lan, sinh ngày 22/05/2004 và cháu Lê Minh Toàn, sinh ngày 06/07/2011. Hiện nay cháu Lê Phương Lan đã đủ tuổi thành niên, đối với cháu chưa thành niên là cháu Lê Minh Toàn từ khi chị D bỏ về Hà Nội làm cháu ở với anh và do nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyện vọng của anh sau khi ly hôn cũng mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Toàn cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu được nuôi dưỡng cháu Toàn anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lê Minh Toàn có nguyện vọng được ở cùng bố Lê Quốc P khi bố mẹ ly hôn.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị D giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, và đề nghị Tòa án giao con chung cho anh P nuôi dưỡng do hiện chị đang đi làm xa, không có khả năng trực tiếp nuôi con chung.

Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 56 Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị D và anh Lê Quốc P. Về con chung, giao cháu Lê Minh Toàn cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lê Quốc P có địa chỉ tại: Tiểu khu 7, xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với các đương sự nhưng các đương sự vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ theo Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị D và anh Lê Quốc P tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2003, anh chị đã được UBND xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/05/2003. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cũng không được hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân. Theo chị D, mâu thuẫn là do anh P sử dụng ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được, nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đến năm 2021 chị đã bỏ về Hà Nội làm. Anh P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do chị D đi về Hà Nội làm anh không đồng ý cho đi nhưng chị D không nghe cố tình bỏ về Hà Nội làm, từ khi về Hà Nội làm chị D cũng không hề quan tâm gọi điện gì về cho anh và con, không gửi tiền về nuôi con cùng anh. Anh cũng nhiều lần gọi điện bảo chị D về nhưng chị D không về, tết cùng không về, tình cảm vợ chồng cùng nhạt phai. Nay cả hai anh chị cũng đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D anh P nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì khác. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải cho anh chị nhưng anh P và chị D đều có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị D, xử cho chị D được ly hôn với anh Lê Quốc P.

[2.2] Về con chung: Chị D, anh P có 02 con chung là cháu Lê Phương Lan, sinh ngày 22/05/2004 và cháu Lê Minh Toàn, sinh ngày 06/07/2011 cháu Lan đã đủ tuổi trưởng thành. Đối với cháu chưa thành niên trong quá trình giải quyết vụ án chị D cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, nếu như cháu có nguyện vọng được ở với chị, anh P thể hiện quan điểm từ khi anh chị sống ly thân anh là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Toàn, nếu được nuôi dưỡng anh cũng không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Lê Minh Toàn đang ở với anh P. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu cháu Toàn cũng có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó để đảm bảo quyền lợi và lợi ích về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần giao cháu Lê Minh Toàn cho anh Lê Quốc P trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh P không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có tài sản chung, nên hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[2.4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí xin ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị D và anh Lê Quốc P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Minh Toàn, sinh ngày 06/07/2011cho anh Lê Quốc P trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận việc anh P không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị D được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

4. Về án phí: Đặng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền Tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002388 ngày 14 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã Nà Bó, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tráng A Tếnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA